

Bản án số: **18** /2023/HSST

Ngày: 17/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Bích Liễu – Phó trưởng phòng Giáo
dục và đào tạo huyện Hoà An

2. Bà Hoàng Thị Bằng – Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Biên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hoà An , tỉnh Cao Bằng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng tham
gia phiên tòa:*** Bà Hà Hải Yến Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An,
tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/HSST
ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/
2023/QĐXXST-HS ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh
Cao Bằng đối với bị cáo:

Lê Ngọc L (Tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 12
năm 2004, tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở
hiện nay: xóm H, xã H, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học
vấn: 12/12. Con ông: Lê Đình N - sinh năm 1979; nghề nghiệp: làm ruộng. Con
bà: Nông Thị D - sinh năm 1982; nghề nghiệp: làm ruộng. Cùng trú tại: xóm Hà,
xã H, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út trong
gia đình. Vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Nhà tạm giữ Công
an huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Lê Văn T - sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng;

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Tô Văn T – sinh năm 2007

Người đại diện hợp pháp : Ngô Tô Văn T - sinh năm 1963

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Hồng T – sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Đình L- sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 10, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Hoàng văn T - sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 12, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt tại phiên tòa

Người làm chứng: Đàm Văn N - sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền để chơi điện tử trên mạng internet và tiêu xài cá nhân, Lê Ngọc L đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 14 tháng 12 năm 2022, Lê Ngọc L một mình đi bộ từ nhà bạn về. Khi đi đến khu vực nhà bà Bùi Hồng T, L quan sát không thấy ai ở nhà và cửa chính khép nhưng không khoá nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Linh đi bộ vòng quanh nhà rồi mở cửa chính, bước tới phòng ngủ, vén rèm lên thì thấy một bộ dây sạc điện thoại nối đến dưới gối. L kéo dây sạc ra thì thấy 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s. L tháo dây sạc rồi cầm chiếc điện thoại đi về nhà, còn chiếc sim điện thoại thì L tháo ra vứt vào bụi cây cạnh đường.

Đến khoảng 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 2022, Lê Ngọc L nhắn tin cho Đàm Văn N (trú tại: xóm B, xã T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng) nhờ đưa đi bán điện thoại. N đồng ý. Nghĩa điều khiển xe mô tô qua nhà đón L rồi cả hai cùng đi xuống cửa hàng điện thoại của Đặng Đình L (địa chỉ: tổ 10, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Tại đây, L đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s trộm cắp được cho Đặng Đình L với giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đặng Đình L còn nói với L nếu có cả bộ sạc điện thoại thì được thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). L nhận với Đặng Đình L

500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền mặt, số còn lại L bảo Đặng Đình L chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng BIDV của Đàm Văn N. Số tiền này, L dùng 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) để mua xăng và tiêu dùng cá nhân hết số tiền mặt, còn số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) trong tài khoản của N thì khi đến quán điện tử LQ (thuộc xã H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng), L mượn điện thoại N để chuyển và sử dụng hết vào tài khoản trò chơi điện tử trên mạng

Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 19 tháng 12 năm 2022, Lê Ngọc L đang đứng trước sân nhà thì nhìn thấy anh Lê Văn T đi xe máy về nhà. Lúc này, L liền đi theo sau nhằm mục đích trộm cắp tài sản tại nhà anh T. Đến nơi, L ngó vào cửa sổ phòng ngủ thì thấy anh T đang sử dụng điện thoại nên quay về nhà. Khoảng 30 phút sau, L quay lại thấy anh T đang ngủ say nên đã bước vào nhà theo lối cửa bếp, rồi lên phòng ngủ của anh T thì nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 đang cắm sạc ở đầu giường. L liền rút lấy cả bộ sạc điện thoại và chiếc điện thoại di động rồi đi về nhà, còn chiếc sim điện thoại thì L tháo ra và vứt trên đường đi về nhà.

Đến khoảng 14 giờ ngày 25 tháng 12 năm 2022, Lê Ngọc L một mình đi bộ đến cửa hàng điện thoại DL bán bộ sạc điện thoại trộm cắp được với giá 300.000 (ba trăm nghìn đồng). L bảo Đặng Đình L chuyển số tiền này vào tài khoản ngân hàng MB Bank mang tên Lê Ngọc L và tiếp tục dùng để chơi tiện tử trên mạng hết.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26 tháng 12 năm 2022, Lê Ngọc L gọi điện thoại cho Đàm Văn N đến nhà L đón đi chơi. Trên đường đi, L nói với N có điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 dùng không thích nữa nên đem bán. Do vậy, N chở L đến cửa hàng điện thoại của Hoàng Văn T (trú tại: tổ 12, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Tại đây, Lê Ngọc L đã bán chiếc điện thoại di động OPPO A57 với giá 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng). L bảo T chuyển số tiền này vào tài khoản ngân hàng MB Bank mang tên Lê Ngọc L và tiếp tục sử dụng hết toàn bộ số tiền này để chơi điện tử trên mạng.

Lần thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 05 tháng 01 năm 2023, Lê Ngọc L một mình đi bộ theo đường liên xóm H, xã T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng để tìm nhà nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực nhà của Ngô Tô Văn T thuộc xóm Hà, xã T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, L ngó vào cửa sổ thì thấy T đang ngủ nên trèo vào đằng sau nhà bếp và đi đến phòng ngủ của T. L nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus đang sạc trên đầu giường, liền kéo dây sạc lại phía mình và lấy chiếc điện thoại rồi quay trở về nhà bằng đường cũ. Chiếc điện thoại này L đang sử dụng thì bị Công an xã T thu giữ.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐGTS, số 05/KL-ĐGTS,

06/KL ĐGTS ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 23/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa An xác định: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A77s màu xanh, số IMEI 1: 866996063926671, số IMEI 2: 866996063926663 điện thoại đã qua sử dụng trị giá: 3.733.000đ (ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7Plus 128GB màu đỏ có số IMEI 355358082754030 điện thoại đã qua sử dụng trị giá: 2.833.000đ (hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen số IMEI 1: 869945060392798, số IMEI 2: 869945060392780 điện thoại đã qua sử dụng trị giá 3.000.000 đ (ba triệu đồng), 01 củ sạc điện thoại màu trắng, bên trong có ghi chữ “33W SUPER VOOL” và 01 (một) dây cáp sạc điện thoại màu trắng đều đã qua sử dụng trị giá 100.000 đ (một trăm nghìn đồng). **Tổng cộng số tài sản trên trị giá: 9.666.000 đ (chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).**

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Lê Ngọc L đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An, Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKSHA ngày 27/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Lê Ngọc L về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc L thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại Bùi Hồng T xác nhận tài sản bị mất trộm vào đêm 14/12/2022 là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s màu xanh; Nhất trí theo kết luận định giá, chiếc điện thoại đã qua sử dụng trị giá: 3.733.000đ (ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng). Nay yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bị hại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s mà cơ quan điều tra đã thu giữ được trong quá trình điều tra. Bị hại Bùi Hồng T đề nghị HDXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Bị hại Ngô Tô Văn T1 và người đại diện hợp pháp Ngô Tô Văn T2 trình bày: Tài sản bị mất trộm vào đêm 05/01/2023 là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7Plus 128GB màu đỏ. Nhất trí với kết luận định giá, điện thoại đã qua sử dụng trị giá: 2.833.000đ (hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); Nay cơ quan điều tra đã thu giữ được, đề nghị trả lại cho bị hại Ngô Tô Văn T1 và người đại diện hợp pháp Ngô Tô Văn T2 để quản lý sử dụng. Ngoài ra, yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường giá trị một thẻ sim điện thoại

với giá trị 200.000, đ (Hai trăm nghìn đồng). Đề nghị HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 07/5/2023, bị hại Lê Văn T đề nghị: Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo Lê Ngọc L trả lại cho bị hại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, 01 củ sạc điện thoại và 01 (một) dây cáp sạc điện thoại. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan Đặng Đình L: Trong ngày 19/12/2022, tại cửa hàng của mình, Đặng Đình L có được mua với bị cáo L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s màu xanh với giá 3.500.000, đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng); Ngày 25/12/2022 L có đem đến cửa hàng của Đặng Đình L bán 01 củ sạc điện thoại màu trắng, bên trong có ghi chữ “33W SUPER VOOL” và 01 (một) dây cáp sạc điện thoại màu trắng đều đã qua sử dụng, Đặng Đình L đã mua lại với giá 300.000, đ (ba trăm nghìn đồng), cộng cả hai khoản là 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn đồng); Khi L đem điện thoại và sạc điện thoại đến bán, Đặng Đình L không biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có. Trong đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 05/5/2023, Đặng Đình L yêu cầu bị cáo L hoàn trả cho Lâm số tiền 4.000.000, đ (Bốn triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan Hoàng Văn T: Ngày 26/12/2022, T có được mua lại với L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen với giá 2.100.000, đ (hai triệu một trăm nghìn đồng); Trong đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 05/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan Hoàng Văn T yêu cầu bị cáo L có trách nhiệm hoàn trả cho T số tiền đã mua điện thoại với L là 2.100.000, đ (hai triệu một trăm nghìn đồng);

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Ngọc L; Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Điều 584- Bộ luật Dân sự.

Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Ngô Tô Văn T1, người đại diện hợp pháp ông Ngô Tô Văn T2, giá trị 01 sim điện thoại là 200.000, đ (Hai trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Đình L trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, L đề nghị bồi thường là 4.000.000, đ (bốn triệu đồng). Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện giá trị mua bán trao đổi là 3.800.000, đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng), nên đề nghị HĐXX chấp nhận số

tiền bồi thường là 3.800.000,đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng) và hoàn trả cho Hoàng Văn T là 2.100.000, đ (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47- Bộ luật hình sự; Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị trả lại cho bị hại Bùi Hồng T: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A77s màu xanh, số IMEI 1: 866996063926671, số IMEI 2: 866996063926663 điện thoại đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị hại Ngô Tô Văn T1 và người đại diện hợp pháp Ngô Tô Văn T2: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7Plus 128GB màu đỏ có số IMEI 355358082754030 điện thoại đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị hại Lê Văn T: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen số IMEI 1: 869945060392798, số IMEI 2: 869945060392780 điện thoại đã qua sử dụng; 01 củ sạc điện thoại màu trắng, bên trong có ghi chữ “33W SUPER VOOL” và 01 (một) dây cáp sạc điện thoại màu trắng đều đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc L số tài sản và đồ vật:

- 01 (một) thẻ Agribank mang tên “LE NGOC L” có ghi số 9704 0530 2589 8437 cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ HD bank mang tên “LE NGOC L” có ghi số 9704 3715 1085 9023 cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ mặt trước có dòng chữ “CAKE” mặt sau có dòng chữ “LE NGOC L” và dãy số 5192 9852 6884 4262 cũ đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo và các bị hại, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp để bị cáo sớm có cơ hội khắc phục sửa chữa lỗi lầm của mình đã gây ra, được trở về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật xét xử: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp nội dung lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 và đầu tháng 01/2023, Lê Ngọc L đã thực hiện hành vi trộm cắp 03 chiếc điện thoại di động: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A77s màu xanh của bà Bùi Hồng T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7Plus 128GB màu đỏ của Ngô Tô Văn T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, 01 củ sạc điện thoại màu trắng, bên trong có ghi chữ “33W SUPER VOOL”, 01 dây cáp sạc điện thoại màu trắng của anh Lê Văn T. Tổng giá trị số tài sản trộm cắp là: 9.666.000 đ (chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Mục đích L trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền để chơi điện tử trên mạng internet và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản (điện thoại di động) đem bán lấy tiền để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Lê Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173- Bộ Luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ: Hành vi của bị cáo thực hiện thể hiện sự liều lĩnh, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý bức xúc, tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của người dân. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Lê Ngọc L là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa và trong đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại đều xin hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

đổi với bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: phạm tội 2 (hai) lần trở lên và phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, theo quy định tại các điểm i, g khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong việc bảo vệ tài sản của công dân, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong việc quản lý tài sản. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử theo quy định của pháp luật là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo việc phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...*”. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Bùi Hồng T, Lê Văn T, yêu cầu bị cáo phải lại tài sản (điện thoại di động) cơ quan công an đã thu giữ được trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa, các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Bị hại Ngô Tô Văn T1, người đại diện hợp pháp Ngô Tô Văn T2 yêu cầu bị cáo phải lại tài sản (điện thoại di động) và giá trị 01 sim điện thoại là 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu này là chính đáng và hợp lý nên cần được chấp nhận; Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường giá trị 01 (một) thẻ sim điện thoại có giá trị 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) cho bị hại Ngô Tô Văn T1.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đặng Đình L trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, L đề nghị bồi thường là 4.000.000,đ (bốn triệu đồng). Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện giá trị mua bán trao đổi là 3.800.000,đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng), nên HĐXX chấp nhận số tiền bồi thường là 3.800.000,đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng) và hoàn trả cho Hoàng Văn T là 2.100.000, đ (hai triệu một trăm nghìn đồng).

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 - Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị hại Bùi Hồng T: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A77s màu xanh, số IMEI 1: 866996063926671, số IMEI 2: 866996063926663 điện thoại đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị hại Ngô Tô Văn T1 và người đại diện hợp pháp Ngô Tô Văn T2: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7Plus 128GB màu đỏ có số IMEI 355358082754030 điện thoại đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị hại Lê Văn T: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen số IMEI 1: 869945060392798, số IMEI 2: 869945060392780 điện thoại đã qua sử dụng; 01 củ sạc điện thoại màu trắng, bên trong có ghi chữ “33W SUPER VOOL” và 01 (một) dây cáp sạc điện thoại màu trắng đều đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc L số tài sản và đồ vật:

- 01 (một) thẻ Agribank mang tên “LE NGOC L” có ghi số 9704 0530 2589 8437 cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ HD bank mang tên “LE NGOC L” có ghi số 9704 3715 1085 9023 cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ mặt trước có dòng chữ “CAKE” mặt sau có dòng chữ “LE NGOC L” và dãy số 5192 9852 6884 4262 cũ đã qua sử dụng.

Xác nhận số tang vật trên đã được chuyển đến kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/5/2023.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa, về tội danh, hình phạt là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Các vấn đề khác: Đối với Đàm Văn N là người cùng Lê Ngọc L đi bán 02 (hai) chiếc điện thoại do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định khi đưa L đi bán điện thoại, N không biết đây là tài sản do L trộm cắp mà có, đồng thời N cũng không được hưởng lợi từ số tiền mà L bán điện thoại nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với hành vi Đàm Văn N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Đặng Đình L và Hoàng Văn T là hai chủ cửa hàng điện thoại mà Lê Ngọc L tiêu thụ tài sản trộm cắp, quá trình điều tra xác định khi bán điện thoại cho Đặng Đình L và Hoàng Văn T, L nói đây là điện thoại của mình không sử dụng nữa nên bán. Do vậy, Đặng Đình và Hoàng Văn T không biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đặng Đình L và Hoàng Văn T là có căn cứ.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc L - 15 (mười lăm) tháng tù, Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/02/2023.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 – Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Ngọc L có trách nhiệm thanh toán cho bị hại Ngô Tô Văn T1, người đại diện hợp pháp Ngô Tô Văn T2 (Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, 01 sim điện thoại có giá trị 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đặng Đình L (Địa chỉ: Tổ 10, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) số tiền do hành vi phạm tội mà có là 3.800.000,đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Hoàng Văn T (Địa chỉ: Tổ 12, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) số tiền do hành vi phạm tội mà có là 2.100.000, đ (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 - Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị hại Bùi Hồng T: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A77s màu xanh, số IMEI 1: 866996063926671, số IMEI 2: 866996063926663 điện thoại đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị hại Ngô Tô Văn T1 và người đại diện hợp pháp Ngô Tô Văn T2: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7Plus 128GB màu đỏ có số IMEI 355358082754030 điện thoại đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị hại Lê Văn T: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen số IMEI 1: 869945060392798, số IMEI 2: 869945060392780 điện thoại đã qua sử dụng; 01 củ sạc điện thoại màu trắng, bên trong có ghi chữ “33W SUPER VOOL” và 01 (một) dây cáp sạc điện thoại màu trắng đều đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo số tài sản và đồ vật:

- 01 (một) thẻ Agribank mang tên “LE NGOC L” có ghi số 9704 0530 2589 8437 cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ HD bank mang tên “LE NGOC L” có ghi số 9704 3715 1085 9023 cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ mặt trước có dòng chữ “CAKE” mặt sau có dòng chữ “LE NGOC L” và dãy số 5192 9852 6884 4262 cũ đã qua sử dụng.

Xác nhận số tang vật trên đã được chuyển đến kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/5/2023.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Ngọc L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Cộng cả 2 khoản là 500.000,đ (năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, các bị hại Bùi Hồng T, Ngô Tô Văn T1, người đại diện hợp pháp được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày, nhận được bản bản án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, kể từ ngày, nhận được bản bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát huyện Hòa An;
- Công an huyện Hòa An;
- Thi hành án DS huyện Hòa An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã Hoàn Tung, huyện Hòa An;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bế Lan Phương

